

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG BẾN NGHÉ
Số 9 Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		263.680.817.220	171.968.809.088
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	180.302.933.189	123.006.729.838
Tiền	111		65.302.933.189	53.006.729.838
Các khoản tương đương tiền	112		115.000.000.000	70.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		75.852.368.281	42.836.504.574
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	46.317.331.535	31.877.184.354
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	22.598.329.905	2.702.247.241
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	6.936.706.841	8.257.072.979
Hàng tồn kho	140		7.211.422.722	5.871.187.261
Hàng tồn kho	141	5.5	7.211.422.722	5.871.187.261
Tài sản ngắn hạn khác	150		314.093.028	254.387.415
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6.1	299.565.456	156.454.099
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	14.527.572	97.933.316
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		321.238.198.295	337.937.451.468
Tài sản cố định	220		128.366.168.844	146.237.844.121
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	128.314.913.288	145.540.409.032
Nguyên giá	222		746.543.464.208	723.011.762.266
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(618.228.550.920)	(577.471.353.234)
Tài sản cố định vô hình	227	5.8	51.255.556	697.435.089
Nguyên giá	228		4.685.039.139	4.685.039.139
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.633.783.583)	(3.987.604.050)
Tài sản dở dang dài hạn	240		37.841.273.440	33.602.758.805
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	37.841.273.440	33.602.758.805
Đầu tư tài chính dài hạn	250		68.000.000.000	68.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.10	68.000.000.000	68.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		87.030.756.011	90.096.848.542
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6.2	80.689.954.431	83.587.561.627
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.11	6.340.801.580	6.509.286.915
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		584.919.015.515	509.906.260.556

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG BẾN NGHÉ
Số 9 Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		307.524.274.628	259.880.552.094
Nợ ngắn hạn	310		221.009.532.041	145.434.936.651
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	13.138.185.554	6.155.090.975
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	4.935.061.692	6.209.627.555
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	9.347.556.480	12.869.365.841
Phải trả người lao động	314	5.15	50.303.159.007	25.484.970.500
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16.1	-	4.230.033.289
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	45.223.665.941	33.707.773.468
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18.1	36.000.000.000	29.500.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.19	17.527.573.326	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.20	44.534.330.041	27.278.075.023
Nợ dài hạn	330		86.514.742.587	114.445.615.443
Chi phí phải trả dài hạn	333	5.16.2	11.804.699.927	13.449.465.443
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18.2	50.502.342.660	88.378.500.000
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	5.21	24.207.700.000	12.617.650.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		277.394.740.887	250.025.708.462
Vốn chủ sở hữu	410	5.22	277.394.740.887	250.025.708.462
Vốn góp của chủ sở hữu	411		246.455.000.000	246.455.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		26.981.626.195	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.958.114.692	3.570.708.462
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.570.708.462	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		387.406.230	3.570.708.462
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		584.919.015.515	509.906.260.556

NGUYỄN LÊ BẢO QUỐC
Người lập

LÂM THỊ NGỌC HUYỀN
Kế toán trưởng

NGUYỄN NGỌC THẢO
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2017

